

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2019

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Nguyễn Đức Tuân;

2.2. Ông Trần Xuân Hòa.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc “ Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 19/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989, vắng mặt tại phiên tòa.

HKTT, trú tại: Thôn V, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị A, sinh năm 1987, vắng mặt tại phiên tòa.

Quê quán, trú tại: Thôn S, xã Tả O, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày 15/12/2011, vắng mặt tại phiên tòa;

3.2. Cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 03/5/2013, vắng mặt tại phiên tòa.

Đều HKTT, trú tại: Thôn V, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu Y và cháu U là anh Nguyễn Văn L và chị Lưu Thị A (bố, mẹ đẻ của các cháu).

4. Người làm chứng: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962, vắng mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-5-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lưu Thị A, sinh năm 1987 người ở thôn S, xã Tả O, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2011. Sau khi kết hôn chị A chuyển về chung sống cùng anh và gia đình nhà chồng. Trong thời gian hai bên chung sống thường xuyên bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống, dẫn tới nhiều lần căng thẳng và diễn ra trong thời gian dài nên hai bên đã sống Y thân nhau từ khoảng tháng 5/2018 đến nay. Mặc dù gia đình cũng khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được mối quan hệ. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hàn gắn, níu kéo nên hai bên đã ngồi lại bàn bạc với gia đình và đi đến thống nhất giải quyết dứt điểm việc ly hôn nhau theo quy định của pháp luật. Để thuận tiện cho việc giải quyết anh, chị đã thống nhất gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là nơi anh đang sinh sống để giải quyết vụ án trên. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh xác định không có ý kiến gì khác nên có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và A giải về các nội dung liên quan nhưng chỉ có anh L có mặt, còn chị A vắng mặt nhưng chị A đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chuyển Tòa án, trong đó quan điểm của về những nội dung liên quan trong vụ án như sau: Việc chị và anh L đến với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/02/2011 và chị được biết giấy chứng nhận kết hôn này anh L đã giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên trong quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài nên hai bên đã sống Y thân nhau từ nhiều năm nay. Khi hai bên mâu thuẫn gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã thống nhất để anh L làm đơn xin giải quyết Y hôn, đồng thời để thuận tiện cho việc giải quyết anh, chị đã L biên bản thỏa thuận thẩm quyền giải quyết vụ án gửi tới Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Do đó quan điểm của chị xác định hai bên không thể hàn gắn nên chị nhất trí ly hôn với anh L và đề nghị Tòa án sớm giải quyết dứt điểm cho anh, chị. Ngoài ra chị cho biết do ốm yếu nên không tham gia được, cũng không có gì thay đổi nên chị đề nghị Tòa án không báo đến A giải, làm việc nữa mà giải quyết, xét xử vắng mặt chị như quan điểm đã khai.

Về con chung: Anh L và chị A đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày 15/12/2011 và cháu nhỏ là Nguyễn Bảo U, sinh ngày 03/5/2013. Hiện cả hai cháu đang ở cùng anh L. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi và không có con riêng nào khác. Quan điểm của anh L và chị A đều xác định nếu Y hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu, anh L trực tiếp nuôi cháu U và chị A trực tiếp nuôi cháu Y cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị A đều xác định không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của cháu Y xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn (không

chung sống cùng nhau nữa) thì cháu ở với ai cũng được. Ngoài ra cháu xác định không có ý kiến nào khác nên có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh L và chị A đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã H và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của anh L và chị A.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh L và chị A không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Lưu Thị A.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 03/5/2013 cho anh L và giao cháu Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày 15/12/2011 cho chị A để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 05/7/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị A không yêu cầu đặt ra giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh L và chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh L và chị A đối với hai bên gia đình: Hai bên đều không yêu cầu đặt ra giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Nguyên đơn đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú tại thôn V, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, còn bị đơn trú tại thôn S, xã Tả O, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn đã có văn bản thỏa thuận, đơn đề nghị chuyển Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết vụ án nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn, cũng như quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc anh Nguyễn Văn L và chị Lưu Thị A kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện Khoái Châu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2011 (theo số: 13, quyển số: 01/2011). Do vậy quan hệ hôn nhân của anh L, chị A là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống thường xuyên bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống, dẫn tới nhiều lần căng thẳng và diễn ra trong thời gian dài nên hai bên đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 5/2018 đến nay. Mặc dù gia đình cũng khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được mối quan hệ. Đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên đều nhất trí xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử cho anh L được ly hôn với chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh L và chị A đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày 15/12/2011 và cháu nhỏ là Nguyễn Bảo U, sinh ngày 03/5/2013. Hiện cả hai cháu đang ở cùng anh L.

- Về nuôi con chung: Quan điểm của anh L và chị A đều xác định nếu ly hôn mỗi bên có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc một cháu, anh L trực tiếp nuôi cháu U và chị A trực tiếp nuôi cháu Y cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Quan điểm của cháu A xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn (không chung sống cùng nhau nữa) thì cháu ở với ai cũng được. Xét nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó cần xử giao cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 03/5/2013 cho anh L và giao cháu Nguyễn Thị Khánh Y cho chị A để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 05/7/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh L, chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L và chị A đều không yêu cầu đặt ra xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh L và chị A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Lưu Thị A.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Bảo U, sinh ngày 03/5/2013 cho anh L và giao cháu Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày 15/12/2011 cho chị A , để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 05/7/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh L và chị A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh L đã nộp theo Biên lai thu số 0001213 ngày 20/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân 10 sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn